

Số: /2022/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 79/BC-KTNS ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nộp phí; tổ chức thu phí; tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng nộp phí và tổ chức thu phí

1. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, cá nhân đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

2. Tổ chức thu phí

a) Thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ngoài các khu công nghiệp là Sở Tài nguyên và Môi trường, trong các khu công nghiệp là Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

b) Thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố là Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Mức thu phí

1. Mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức phí tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này được tính theo lần thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường và không bao gồm chi phí đi lại của đoàn khảo sát, kiểm tra thực tế đến huyện Côn Đảo, chi phí lấy mẫu, phân tích chất thải theo quy định.

Điều 4. Kê khai, thu, nộp phí

1. Đối tượng nộp phí thực hiện nộp phí trong thời gian 10 ngày làm việc tính từ ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường. Phí được nộp trực tiếp cho tổ chức thu phí hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước, tài khoản ngân hàng của tổ chức thu phí.

2. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

3. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Điều 5. Quản lý và sử dụng phí

Tổ chức thu phí được trích để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khoá VII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 08 năm 2022.

2. Bãi bỏ nội dung quy định tại số thứ tự IV Phụ lục Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động thuộc lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu; Đài PH-TH tỉnh;
- Lưu: VT, STNMT (05), CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Phạm Viết Thanh

Phụ lục
MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND
ngày tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Nội dung thu phí	Mức thu phí (đồng)
1	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	
a)	Trường hợp không tổ chức đi khảo sát và không kiểm tra thực tế (trừ đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 29 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường)	10.600.000
b)	Trường hợp không tổ chức đi khảo sát và không kiểm tra thực tế (đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 29 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	6.300.000
c)	Trường hợp tổ chức đi khảo sát thực tế trước khi họp thẩm định hoặc trường hợp tổ chức kiểm tra thực tế	14.000.000
2	Điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	800.000
3	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	
a)	Trường hợp không tổ chức đi khảo sát và không kiểm tra thực tế	4.700.000
b)	Trường hợp tổ chức đi khảo sát thực tế trước khi họp thẩm định hoặc trường hợp tổ chức kiểm tra thực tế	8.500.000
4	Điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	800.000